

Bản án số: 15/2026/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bảo Long, ông Hứa Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Các ông Đặng Quốc Phú, ông Nguyễn Tuấn A - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nông T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 5 năm 1970 tại xã T, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Đ, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang; căn cước công dân số: 002070005312, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C3 cấp ngày 21/4/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nông Văn V (đã chết) và bà Dương Thị M, sinh năm 1939; có vợ Hoàng Thị T1, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 10/2006/HSST ngày 21/4/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; tịch thu số tiền 50.000 đồng do thu lời bất chính mà có để sung công quỹ Nhà nước, (bị cáo đã nộp xong án phí, tiền tịch thu, chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an tỉnh T.

* *Người làm chứng:* Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Q, xã V, tỉnh Tuyên Quang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 19 giờ 10 phút, ngày 21/9/2025, tổ công tác Công an xã V, tỉnh Tuyên Quang kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ L thuộc thôn Q, xã V, tỉnh Tuyên Quang phát hiện Nông T sinh năm 1970, trú tại Đ, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra, Nông T tự nguyện khai nhận hành vi cất, giấu ma túy sau rèm cửa sổ trong phòng nghỉ 01. Tổ công tác Công an xã V đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 (một) gói màu trắng được bọc ngoài bằng băng dính trong dán kín, 01 (một) gói bọc bằng túi nilon màu hồng, bên ngoài có dán băng dính màu đen, 10 (mười) gói nhỏ được bọc giấy màu trắng có in chữ và dòng kẻ, bên ngoài các gói đều được dán cố định bằng băng dính trong. Nông T khai nhận là ma túy loại Heroine, tàng trữ mục đích để sử dụng. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khám xét khẩn cấp tại phòng nghỉ 01 phát hiện và thu giữ 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Y15s, mặt sau màu xanh có gắn ốp bằng nhựa màu đen, số sê-ri: 10HBBT02DK0011G, bên trong lắp sim số: 0352199299 điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy. Toàn bộ vật chứng thu giữ được, tổ công tác đều niêm phong theo đúng trình tự tố tụng và đưa Nông T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để điều tra làm rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục khám xét khẩn cấp chỗ ở của N tại thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình khám xét, không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì, tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Nông T kết quả dương tính với chất ma túy loại Heroine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Nông T khai nhận: Vào khoảng 09 giờ ngày 20/9/2025, đi xe khách từ khu vực gần nhà nghỉ L xuống Bến xe khách M, Hà Nội để mua ma túy. Tại đây, hỏi V1 có ma túy bán không muốn mua 30.000.000 đồng ma túy H. V1 đồng ý, cầm số tiền đưa rồi V1 đi đâu thì không biết. Sau khoảng 15 phút, V1 quay lại và đưa cho 02 gói ma túy được bọc nhiều lớp nilon, giấy và băng dính. Sau đó bắt xe khách trở về nhà nghỉ L thuộc thôn Q, xã V, tỉnh Tuyên Quang thuê phòng 01. Tại đây, mở một gói ma túy, chia thành 11 gói nhỏ để sử dụng dần, đã sử dụng 01 gói nhỏ bằng cách đốt và hít vào cơ thể. Số ma túy còn lại cùng 01 gói chưa sử dụng được cất vào túi nilon màu hồng và giấu phía sau rèm cửa sổ trong phòng nghỉ. Đến khoảng 19 giờ ngày 21/9/2025, Công an đến kiểm tra hành chính, biết bản thân không giấu được hành vi phạm tội của nên tự nguyện khai báo hành vi cất giấu ma túy sau rèm cửa sổ.

Ngày 22/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng tang vật thu giữ của Nông T đã khai là ma túy H và lấy mẫu giám định, kết quả: 01 (một) gói giấy màu trắng được bọc bên ngoài bằng băng dính, kích thước (4,5x4,3)cm, bên trong có 01 (một) gói bằng giấy màu trắng có chứa chất màu trắng dạng cục. Tiến hành cân số chất màu trắng

dạng cục có khối lượng là 37,907g (*ba mươi bảy phẩy chín không bảy gam*). Tiến hành thu 1,164g (*một phẩy một sáu bốn gam*) để làm mẫu giám định, ký hiệu A1; 01 (*một*) gói được bọc bằng nilon màu hồng bên ngoài dán bằng băng dính màu đen, kích thước (4,5x4,5cm, bên trong có 01 (*một*) gói bằng giấy màu trắng bên ngoài dán băng dính màu đen, kích thước (3,5x3,5)cm có chứa chất màu trắng dạng cục. Tiến hành cân số chất màu trắng dạng cục có khối lượng là 16,351g (*mười sáu phẩy ba năm một gam*). Tiến hành thu 0,412g (*không phẩy bốn một hai gam*) để làm mẫu giám định, ký hiệu A2; 10 (*mười*) gói giấy màu trắng được bọc bên ngoài bằng băng dính, kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong đều có chứa chất màu trắng dạng cục. Tiến hành cân số chất màu trắng dạng cục có khối lượng là 3,251 gam (*ba phẩy hai năm một gam*). Tiến hành thu 0,263g (*không phẩy hai sáu ba gam*) để làm mẫu giám định, ký hiệu A3. Tổng khối lượng số chất bột màu trắng nghi là ma túy Heroinee (*ký hiệu A1, A2, A3*) thu giữ của Nông Thế là 57,509g (*năm bảy phẩy năm trăm không chín gam*).

Ngày 22/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Quyết định trưng cầu giám định số D166, trưng cầu Phòng K, Công an tỉnh T giám định mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 có phải ma túy không? Loại ma túy gì? Có khối lượng bao nhiêu?

Tại Kết luận giám định số 1223/KL-KTHS, ngày 27/9/2025 của Phòng K, Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 đều là chất ma túy, loại Heroinee; tổng khối lượng 57,509g (*năm bảy phẩy năm trăm không chín gam*).

Ngày 21/9/2025, tại Công an xã V, tỉnh Tuyên Quang xét nghiệm nhanh chất ma túy đối với Nông T và kết luận dương tính với các chất ma túy Heroinee.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 17/CT-VKSKV5, ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nông T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về điều luật và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nông T từ 12 năm đến 13 năm, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 21/9/2025.

- Về hình phạt bổ sung phạt tiền: Do bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản, nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu

giữ của bị cáo Nông T gồm: 01 (một) gói màu trắng được bọc ngoài bằng băng dính trong dán kín; 01 (một) gói bọc bằng túi nilon màu hồng, bên ngoài có dán băng dính đen; 10 (mười) gói nhỏ được bọc bằng giấy màu trắng có in chữ và dòng kẻ, bên ngoài các gói đều được dán cố định bằng băng dính trong. Trả lại cho bị cáo Nông T 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Y15s, mặt sau màu xanh có gắn ốp bằng nhựa màu đen, số sê-ri: 10HBBT02DK0011G, bên trong lắp sim số: 0352199299 điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với điều luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, C1 tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định và bản ảnh cân ; Kết luận giám định số: 1223/KL-KTHS, ngày 27/9/2025 của Phòng K, Công an tỉnh T cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 10 phút, ngày 21/9/2025, Nông T sinh năm 1970, trú tại Đ, thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy 57,509g (*năm bảy phẩy năm không chín gam*) ma túy loại Heroinee tại phòng 01 nhà nghỉ L, thuộc thôn Q, xã V, tỉnh Tuyên Quang với mục đích để sử dụng. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

.....

b) H, C2, M1, A1, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;.....”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật như đã phân tích ở trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến những quy định của Nhà nước trong việc quản lý và sử dụng các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Chất ma túy nói chung và H1 nói riêng là chất gây nghiện, không những huỷ hoại sức khỏe của người nghiện, huỷ hoại đạo đức của con người, mà còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật nhưng vì bị cáo là người nghiện ma túy nên vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo lấy đó làm bài học và để phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng là người có nhân thân xấu, thuộc đối tượng nghiện ma túy, bị cáo đã bị kết án một lần năm 2006, bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; tịch thu số tiền 50.000 đồng do thu lời bất chính mà có để sung công quỹ Nhà nước tại Bản án số 10/2006/HSST ngày 21/4/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang bị cáo đã nộp xong án phí, tiền tịch thu, chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để uấn nắn, sửa chữa mình mà còn tiếp tục phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, việc áp dụng cần xem xét đến chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Mẹ của bị cáo là bà Dương Thị M được Bộ cấp giấy chứng nhận tham gia dân quân hỏa tuyến; được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó cũng tạo điều kiện cho bị cáo được giảm bớt một phần hình phạt, để bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy sử dụng cho bản thân không có vụ lợi, bị cáo

không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo; không thực hiện tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc cấm hành nghề làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[8] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo đang bị tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo Nông T để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[9] Về xử lý vật chứng: Trên cơ sở số vật chứng đã thu giữ trong vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử lý như sau:

[10] Tịch thu tiêu hủy những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội là vật cấm lưu hành gồm: 01 (một) gói màu trắng bọc ngoài bằng băng dính trong dán kín được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) gói bọc bằng túi nilon màu hồng, bên ngoài có dán băng dính đen được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 10 (mười) gói nhỏ được bọc bằng giấy màu trắng có in chữ và dòng kẻ, bên ngoài các gói đều được dán cố định bằng băng dính trong được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong.

[11] Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Y15s, mặt sau màu xanh có gắn ốp bằng nhựa màu đen, số sê-ri: 10HBBT02DK0011G, bên trong lắp sim số: 0352199299 điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không sử dụng điện thoại làm công cụ, phương tiện để cất giấu, tàng trữ ma túy trái phép, do đó trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo cho công tác thi hành án.

[12] Quá trình điều tra bị cáo Nông T khai nhận mua ma túy của người đàn ông tên V1 mà không quen, biết, họ, tuổi, địa chỉ, làm xe ôm, khoảng 40 tuổi tại Bến xe khách M vào ngày 20/9/2025. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

[13] Đối với hành vi của ông Phạm Ngọc C: Quá trình điều tra xác định ông C không biết bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy và sử dụng chất ma túy ở tại phòng nghỉ do ông đang quản lý, nên không có căn cứ để điều tra tiếp, xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nông Thế quá trình điều tra, xác minh không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự. Ngày 29/11/2025, Phòng Ma túy Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 258/QĐ-XPHC đối với Nông Thế bằng hình thức phạt cảnh cáo, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo Nông T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 329, 331, 332, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2025).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nông T để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói màu trắng bọc ngoài bằng băng dính trong dán kín được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) gói bọc bằng túi nilon màu hồng, bên ngoài có dán băng dính đen được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 10 (mười) gói nhỏ được bọc bằng giấy màu trắng có in chữ và dòng kẻ, bên ngoài các gói đều được dán cố định bằng băng dính trong được đựng trong 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-24103320 mặt trước túi niêm phong có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, mặt sau túi niêm phong có 01 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T và chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong.

- Trả lại cho chủ sở hữu Nông Thế 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo, kiểu máy Y15s, mặt sau màu xanh có gắn ốp bằng

nhựa màu đen, số sê-ri: 10HBBT02DK0011G, bên trong lắp sim số: 0352199299 điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Tuyên Quang, ngày 12/02/2026).

4. Về án phí: Bị cáo Nông T phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT Công tỉnh Tuyên Quang;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng PC03, PC10 CA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Mạnh Cường